

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Số: 34 /2012 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1542/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.052.608.436	147.847.287.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.811.051.546	15.997.069.972
1. Tiền	111		5.750.804.033	4.465.756.372
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.060.247.513	11.531.313.600
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.015.743.897	86.810.971.442
1. Phải thu khách hàng	131		51.227.166.219	80.957.676.502
2. Trả trước cho người bán	132		9.523.894.197	9.513.983.820
3. Các khoản phải thu khác	135		2.204.724.797	1.016.279.000
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.940.041.316)	(4.676.967.880)
III. Hàng tồn kho	140		51.466.088.454	34.894.875.782
1. Hàng tồn kho	141	6	51.466.088.454	34.894.875.782
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.759.724.539	10.144.370.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.352.788	38.519.629
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.064.856.950	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	7.598.514.801	10.105.850.384
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.821.841.913	27.316.009.975
I. Tài sản cố định	220		21.765.933.314	21.590.015.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.846.694.658	9.526.419.798
- Nguyên giá	222		34.809.716.357	34.373.500.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.963.021.699)	(24.847.080.989)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.608.048.376	11.752.405.150
- Nguyên giá	228		14.705.093.511	14.694.493.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.097.045.135)	(2.942.088.361)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.900.000.000	3.900.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	3.900.000.000	3.900.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.155.908.599	1.825.994.747
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.155.908.599	1.825.994.747
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.874.450.349	175.163.297.184

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011		31/12/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		113.661.429.314		119.257.761.490	
I. Nợ ngắn hạn	310		113.110.797.296		118.549.412.326	
1. Vay ngắn hạn	311	11	1.718.714.080		6.095.086.216	
2. Phải trả người bán	312		15.611.779.103		5.497.146.208	
3. Người mua trả tiền trước	313		50.380.873.034		51.529.524.172	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.494.330.177		12.083.708.218	
5. Phải trả người lao động	315		13.020.784.515		27.487.602.199	
6. Chi phí phải trả	316		6.472.081.409		2.840.959.550	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	18.096.344.951		10.539.035.736	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.315.890.027		2.476.350.027	
II. Nợ dài hạn	330		550.632.018		708.349.164	
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		550.632.018		708.349.164	
B. NGUỒN VỐN	400		49.213.021.035		55.905.535.694	
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	49.213.021.035		55.905.535.694	
1. Vốn điều lệ	411		33.810.000.000		33.810.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000		45.000.000	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)		(140.000)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		440.588.522	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.979.250.722		3.379.250.722	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.519.059.240		1.349.059.240	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.859.851.073		16.881.777.210	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.874.450.349		175.163.297.184	



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		78.490.975.589	58.020.273.228
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(58.840.891.930)	(45.739.425.100)
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		19.650.083.659	12.280.848.128
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		494.474.079	490.090.808
5. Chi phí tài chính	22		(370.551.857)	(22.318.444)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(370.514.917)</i>	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(11.223.378.776)	(7.709.449.827)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.550.627.105	5.039.170.665
8. Thu nhập khác	31		241.894.568	2.790.000
9. Chi phí khác	32		(3.101.793.856)	(359.992.691)
10. Lỗ từ hoạt động khác	40		(2.859.899.288)	(357.202.691)
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.690.727.817	4.681.967.974
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	(1.422.681.954)	(1.170.491.994)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.268.045.863	3.511.475.980
14. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	1.262	1.194



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.690.727.817	4.681.967.974
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	772.333.449	804.583.011
Các khoản dự phòng	03	263.073.436	(16.876.959)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(479.073.823)	(399.890.669)
Chi phí lãi vay	06	370.514.917	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.617.575.796	5.069.783.357
Giảm các khoản phải thu	09	29.760.172.742	2.070.477.015
Tăng hàng tồn kho	10	(16.571.212.672)	(7.437.189.338)
Giảm các khoản phải trả	11	(6.003.548.791)	(7.122.614.494)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(387.747.011)	117.712.699
Tiền lãi vay đã trả	13	(370.514.917)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.750.862.644)	(2.753.552.335)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	262.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(967.000.000)	(1.830.356.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.588.862.503	(11.885.739.096)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(543.678.374)	(665.972.502)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	54.590.910	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	427.568.925	399.890.669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.518.539)	(266.081.833)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.718.714.080	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.095.086.216)	-
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(2.093.691.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.470.063.536)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.057.280.428	(12.151.820.929)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	15.997.069.972	23.791.566.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(243.298.854)	(137.855.794)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	16.811.051.546	11.501.890.069

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thông tin bổ sung về các nghiệp vụ phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 407.659.173 đồng (năm 2010 là 116.800.687 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 4.668.280.600 đồng là số tiền cổ tức công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Thái Tuấn Tài

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh

Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 620 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 639 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Ngoài ra, Công ty có một Văn phòng đại diện tại Hà Nội hạch toán phụ thuộc Công ty.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở phát sinh các khoản chi phí trực tiếp cho các công trình đang thực hiện.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập khi chứng khoán tự do trao đổi Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc kỳ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ảnh hưởng không đáng kể đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

1372-
HÀNH
STY
NHU
TT
NAI
NỘI
CỠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	724.109.972	1.462.152.877
Tiền gửi ngân hàng	5.026.694.061	3.003.603.495
Các khoản tương đương tiền	11.060.247.513	11.531.313.600
	<u>16.811.051.546</u>	<u>15.997.069.972</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và tại các tổ chức ủy thác quản lý vốn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất 14%/ năm cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất từ 0,5% đến 1%/ năm cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ, và lãi suất 0,6%/ năm cho khoản tiền gửi bằng đồng EUR.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	213.359.321	172.386.795
Công cụ, dụng cụ	1.915.199	14.973.230
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.250.813.934	34.707.515.757
	<u>51.466.088.454</u>	<u>34.894.875.782</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm chủ yếu số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	7.233.742.038	10.577.285.433	13.393.244.573	3.169.228.743	34.373.500.787
Tăng trong kỳ	-	814.427.273	60.150.274	66.160.000	940.737.547
Thanh lý	-	(409.540.159)	(94.981.818)	-	(504.521.977)
Tại ngày 30/6/2011	<u>7.233.742.038</u>	<u>10.982.172.547</u>	<u>13.358.413.029</u>	<u>3.235.388.743</u>	<u>34.809.716.357</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	1.795.270.614	9.459.559.549	11.053.111.044	2.539.139.782	24.847.080.989
Khấu hao trong kỳ	146.207.904	186.384.232	188.362.017	96.422.522	617.376.675
Thanh lý	-	(406.454.147)	(94.981.818)	-	(501.435.965)
Tại ngày 30/6/2011	<u>1.941.478.518</u>	<u>9.239.489.634</u>	<u>11.146.491.243</u>	<u>2.635.562.304</u>	<u>24.963.021.699</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	<u>5.292.263.520</u>	<u>1.742.682.913</u>	<u>2.211.921.786</u>	<u>599.826.439</u>	<u>9.846.694.658</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>5.438.471.424</u>	<u>1.117.725.884</u>	<u>2.340.133.529</u>	<u>630.088.961</u>	<u>9.526.419.798</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 15.743.644.607 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2010: 14.440.410.502 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	10.704.411.092	1.628.517.698	2.361.564.721	14.694.493.511
Tăng trong kỳ	-	10.600.000	-	10.600.000
Tại ngày 30/6/2011	<u>10.704.411.092</u>	<u>1.639.117.698</u>	<u>2.361.564.721</u>	<u>14.705.093.511</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	368.944.775	1.628.517.698	944.625.888	2.942.088.361
Khấu hao trong kỳ	36.289.650	588.888	118.078.236	154.956.774
Tại ngày 30/6/2011	<u>405.234.425</u>	<u>1.629.106.586</u>	<u>1.062.704.124</u>	<u>3.097.045.135</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	<u>10.299.176.667</u>	<u>10.011.112</u>	<u>1.298.860.597</u>	<u>11.608.048.376</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.335.466.317</u>	<u>-</u>	<u>1.416.938.833</u>	<u>11.752.405.150</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.628.517.698 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	2.700.000.000	2.700.000.000
	<u>3.900.000.000</u>	<u>3.900.000.000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,25% vốn điều lệ và góp vốn vào Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn theo cam kết là 10%. Hiện tại, các công ty này đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

11. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 06/2010/95234 ngày 16 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 15.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.451.363.713	7.654.970.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp	937.175.983	4.265.356.673
Thuế thu nhập cá nhân	105.790.481	163.381.539
	<u>2.494.330.177</u>	<u>12.083.708.218</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Khoản vay phải trả tập đoàn	2.142.405.593	2.142.405.593
Cổ tức phải trả	4.668.280.600	59.696.397
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	6.287.578.764	2.977.775.955
Kinh phí công đoàn phải trả	2.179.456.283	2.321.830.922
Phải trả khác	2.818.623.711	3.037.326.869
	<u>18.096.344.951</u>	<u>10.539.035.736</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>3.381.000</u>	<u>3.381.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Số vốn đã góp VNĐ	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	<u>460.000.000</u>	<u>1,36</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại ngày 1/1/2010	29.400.000.000		45.000.000		-		225.150.141		888.700.247		486.059.240		11.567.550.475		42.612.460.103	
Tăng vốn trong năm	4.410.000.000		-		-		-		-		-		(4.410.000.000)		-	
Tăng khác	-		-		-		215.438.381		-		-		-		215.438.381	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		-		16.881.777.210		16.881.777.210	
Trích lập quỹ	-		-		-		-		2.490.550.475		863.000.000		(7.157.550.475)		(3.804.000.000)	
Chi quỹ	-		-		-		-		-		-		-		-	
Giảm khác	-		-		(140.000)		-		-		-		-		(140.000.00)	
Tại ngày 31/12/2010	33.810.000.000		45.000.000		(140.000)		440.588.522		3.379.250.722		1.349.059.240		16.881.777.210		55.905.535.694	
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		-		-		-		4.268.045.863		4.268.045.863	
Trích lập quỹ	-		-		-		-		2.600.000.000		1.170.000.000		(7.528.000.000)		(3.758.000.000)	
Chia cổ tức năm 2010	-		-		-		-		-		-		(6.761.972.000)		(6.761.972.000)	
Giảm khác	-		-		-		(440.588.522)		-		-		-		(440.588.522)	
Tại ngày 30/6/2011	33.810.000.000		45.000.000		(140.000)		-		5.979.250.722		2.519.059.240		6.859.851.073		49.213.021.035	

Theo Nghị quyết số 52/NQ-TVĐ3-ĐHĐCD ngày 22 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2010 với số tiền là 6,761 tỷ đồng, trong đó 2,093 tỷ đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt trong 6 tháng đầu năm 2011. Cũng theo Nghị quyết số 52 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã phê chuẩn phương án phân chia lợi nhuận năm 2010 để trích lập các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị. Ban kiểm soát, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 2,6 tỷ đồng, 1,17 tỷ đồng, 3,24 tỷ đồng và 0,518 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	5.690.727.817	4.681.967.974
Trừ: Các khoản lợi nhuận không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.690.727.817	4.681.967.974
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.422.681.954	1.170.491.994

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong kỳ 6 tháng trên cơ sở các số liệu sau.

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	4.268.045.863	3.511.475.980
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.268.045.863	3.511.475.980
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	3.381.000	2.940.935
Lãi trên cổ phiếu	1.262	1.194

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	683.345.454	683.345.454

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	683.345.454	1.366.690.909
	683.345.454	1.366.690.909

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện cam kết thuê nhà tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3 với Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê nhà là 3 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Doanh thu		
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	650.219.234	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	10.839.754.309	12.092.200.053
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	12.526.259.386	4.461.919.243
Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.171.430.000	110.975.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	3.636.363.636	-
Ban QLDA Thủy điện 1	4.873.863.434	3.258.577.081
Ban QLDA Thủy điện 6	-	9.173.241.582
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung	5.740.972.802	-
Ban QLDA lưới điện TP. HCM	(110.826.148)	-
Công ty CP EVN Quốc Tế	2.600.901.379	-
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	995.635.050	-
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	154.545.455	-
Công ty Thủy điện Trị An	847.470.237	-
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	362.780.909	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	2.522.475.000	-
Công ty truyền tải Điện 3	1.367.757.567	-
Tổng Công ty Điện lực TPHCM	-	-
Công ty Cổ phần thủy điện Miền Trung	-	46.949.091
Ban QLDA điện lực Miền Nam - PC 2	514.724.340	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lương	802.457.193	724.015.661
Tiền thưởng	17.500.000	271.468.000
	819.957.193	995.483.661

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu		
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	1.645.567.524	1.645.567.524
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	6.766.023.790	26.917.535.586
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	8.695.160.587	2.022.325.965
Ban QLDA điện lực Miền Nam - PC 2	2.119.304.372	1.164.688.213
Ban QLDA lưới điện – Công ty Điện lực 3	-	654.674.120
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	268.794.939	268.794.939
Ban QLDA lưới điện Miền Trung	654.674.120	-
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai- ĐNPC	-	554.291.975
Ban QLDA nhiệt điện 2	1.442.605.981	1.079.292.981
Ban QLDA nhiệt điện 3	-	1.629.933.531
Ban QLDA thủy điện 3	-	1.570.391.490
Ban QLDA thủy điện 5	-	51.628.600
Ban QLDA thủy điện 6	1.453.127.828	1.453.127.828
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	3.405.240.598	2.525.554.516

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	-	1.393.655.957
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	-	437.406.522
Công ty truyền tải điện 2	1.345.824.886	1.345.824.886
Công ty truyền tải điện 3	419.859.683	-
Công ty truyền tải điện 4	505.853.859	-
Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	112.000.000	-
Công ty Thủy điện Trị An	886.971.584	-
Tổng công ty Điện lực TP. HCM	30.550.656	-
Ban QLDA điện lực Miền Nam - PC 2	1.391.809.326	-
Các đơn vị khác trong EVN	2.424.291.588	3.464.360.699
	33.567.661.321	48.179.055.332

Người mua ứng tiền trước

Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.170.052.900	6.007.517.400
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.267.083.669	2.719.408.919
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.497.979.467	-
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	-	1.577.829.467
Ban QLDA lưới điện - Cty Điện lực 3	-	215.645.139
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.270.159.663	1.889.969.738
Ban QLDA lưới điện miền Trung	215.645.139	-
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai- ĐNPC	-	424.447.000
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	149.810.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	1.946.424.817	1.926.942.932
Ban QLDA thủy điện 1	1.196.844.414	4.098.006.938
Ban QLDA thủy điện 5	-	248.000.000
Ban QLDA thủy điện 6	2.051.643.058	1.051.643.058
Công ty CP EVN Quốc Tế	1.215.034.288	1.548.553.544
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	-
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	4.517.509.500	3.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	731.500.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	-	1.042.800.000
Tổng công ty Điện lực TP. HCM	82.271.138	-
Các đơn vị khác trong EVN	864.251.005	885.385.955
	26.294.899.058	27.517.460.090

Phải trả khác

Công ty CP Tư vấn XD điện 1	-	60.824.300
Tập đoàn điện lực Việt Nam	2.142.405.593	2.142.405.593

Phải trả cổ tức

Tập đoàn điện lực Việt Nam	3.298.314.000	-
Tổng công ty điện lực TP. HCM	844.278.000	-
Các cổ đông khác	525.688.600	-

19. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 8 năm 2011.



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán